

Bài 28: Kinh Tăng Chi (Chương 2 Pháp) - Phẩm Hội Chúng | Sư Giác Nguyên giảng 09/02/2018

Alo, các vị có nghe không? Cái mình cần là có nghe hay không. Nghe. Rồi, cảm ơn!
Hôm qua chúng ta học về kinh Tâm thắng bằng, nội dung nói về nội triền và ngoại triền. Chúng tôi đã giải thích tại sao nội và ngoại, nhưng xin nhớ giùm: chỉ trong trường hợp này thì nội và ngoại được định nghĩa như vậy. Nội ở đây chỉ dục giới, ngoại ở đây chỉ sắc và vô sắc. Chỉ trong trường hợp này thôi. Chứ còn mai một ở một chỗ khác thì các vị thấy các pháp nội phần, ngoại phần, các vị phải hiểu khác. Nội ở đây là chỉ bản thân mình, còn ngoại là chỉ người khác. Nhớ nha. Nhớ giùm cái đó. Chứ còn lấy định nghĩa chỗ này mà hiểu chỗ khác, giống như lấy chữ “ba” trong tiếng Việt Nam vậy đó: “ba” có lúc là con số, “ba” có lúc là cha, bố. Chứ không phải cứ cái chỗ này xài hoài.

Thì cái kinh đó, ngài Xá Lợi Phất xét thấy thánh chúng đông quá, gồm tất cả các hạng chúng sinh trong vô lượng vũ trụ huân tập về nghe pháp, thì ngài mới quyết định chọn một đề tài mà ai cũng thấy có phần mình trong đó, ai cũng thấy mình được nhắc đến trong đó, ai cũng có thể qua đó hiểu được một vấn đề: mình là ai, mình đang ở đâu và mình phải làm gì.

Chỉ trong một chủ đề nội triền và ngoại triền, ngài cùng một lúc mở ra cho người ta bao nhiêu là vấn đề suy tư và thẩm thía, chứng ngộ. Và kết thúc buổi giảng đó, có một nhóm Phạm thiên, gọi là nhóm đồng tâm, samacitta. Chữ “sama” ở đây là giống: đồng tâm, đồng chí, đồng thanh, đồng khí.

- Thì có một nhóm mới nghĩ như sau: Một là chúng ta đã nghe tới nơi tới chốn rồi, nhưng mà chắc chắn rằng chúng ta có thể nghe sâu hơn, rộng hơn từ Thế Tôn.

- Lại cũng cái nhóm này có một suy nghĩ nữa: thời pháp thoại này quá sức là quan trọng mà người đời sau có thể nghĩ rằng đây là lời giảng của một vị đệ tử, một vị thánh văn, rồi họ coi nhẹ. Thôi thì hôm nay chúng ta đến trình với Thế Tôn. Với sự có mặt của Thế Tôn, ngài ẩn khả, ẩn chứng cái bài giảng này trở thành Phật ngôn.

Với thiện chí như vậy, với cái hảo ý như vậy, các vị này đã đến Đức Phật, trình lên

ngài thời pháp vừa rồi, và Đức Thế Tôn đã có mặt. Và đồng thời, bên cạnh việc ấn chứng bài giảng của ngài Xá Lợi Phất bằng sự có mặt của mình thôi, thì ngài cũng nhân đó, nhân cái chuyện người đến thính ngài là một nhóm Phạm thiên đồng tâm với nhau đó, ngài đã kết lại buổi pháp thoại đó bằng một câu thế này: “Nếu là đồng tâm thì đồng như thế nào?”

Bởi vì trên đời này có hai kiểu đồng tâm, mà chỉ phần kết của ngài lại cực kỳ quan trọng cho vô lượng nhân thiên đang có mặt tại pháp hội đó. Ngài dạy rằng: Trên đời này có hai kiểu đồng tâm.

- Một là đồng tâm là cùng nhau làm bậy, nghĩ bậy và nói bậy.

- Kiểu đồng tâm thứ hai là cùng nhau nói thiện, nghĩ thiện và làm thiện.

Thì tùy mình, mình muốn lựa cái nào mình lựa.

Và sẵn ở đây chúng tôi nhắc lại cho bà con một điều mà không biết chúng tôi đã nói bao nhiêu lần. Là vì đâu, vì đâu mà chúng ta lại gặp nhau trong một gia đình? Vì đâu mà giữa một biển người bao la chúng ta lại cưới nhau, gọi nhau là vợ là chồng? Vì đâu mà chúng ta lại sanh ra cùng làng, xã, ấp, huyện? Vì đâu mà chúng ta sinh ra cùng một tỉnh, cùng một miền, cùng một quốc gia, cùng một châu lục, cùng bán cầu, cùng hành tinh, cùng hệ mặt trời; nói theo trong kinh là cùng một vũ trụ, cùng một tiểu thiên, cùng một trung thiên, một đại thiên thế giới? Là vì sao? Là vì chúng ta có những điểm đồng.

Cho dù chúng ta không có thích nhau, không có ưa nhau, nhưng mà chỉ cần có điểm đồng thì chúng ta cũng về với nhau. Nói vậy có nghĩa là nếu chúng ta muốn cộng trú với người lành thì chúng ta phải có điểm đồng với người lành. Nó sâu là sâu chỗ đó.

Bây giờ ở đây có người kêu tôi giảng “sắc tức thị không, không tức thị sắc”. Tôi nói nhanh thôi: chữ “không” ở đây không có phải là không có, mà chữ “không” ở đây có nghĩa là vô ngã. Không ở đây là nobody, không phải là nothing. Rồi, xong. Mọi thứ là do duyên tạo. Ở đây là không có người nào chứ không phải là không có cái gì. Không biết có hiểu không? Cái này gọi là Tâm Kinh thời đại, nguyên cái Bát Nhã Tâm Kinh gọn lại chỉ có cái này thôi. Không biết có hiểu không? Rồi.

Okay, thì như vậy chúng ta thấy rằng toàn bộ vũ trụ này, dầu thích hay ghét nhau cỡ

nào đi nữa mà miễn chúng ta có điểm đồng, chúng ta bèn về với nhau. Nhưng có một điều:

- đồng nhau mà đồng cỡ nào,
- đồng kiểu nào,
- đồng mà đồng bao nhiêu.

Cho nên chúng ta bèn lấy nhau mà về đọa đày nhau, làm khổ nhau, làm hui hắt đời nhau. Hay là đồng để về để rồi cùng nhau đi lên, nắm tay nhau cùng nhau đi lên, cùng nhau đi qua bên kia bờ giác ngộ. Đồng để về với nhau làm hui hắt đời nhau, đồng kiểu đó thì tui ớn quá, nha. Okay.

Rồi cái kết của Đức Phật rất là sâu. Mình nghe, mình đọc bằng cái não trạng tàu hủ của mình thì thấy hình như cái phần của ngài Xá Lợi Phất với cái phần của Đức Phật nghe không có ăn nhập gì với nhau hết. Nhưng mình ngồi mình ngẫm ngẫm lại thì mình thấy nó ăn, ăn rất là ăn nhập. Tức là trò nói như vậy và thầy kết lại như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất ngài nói: đây là các người là những cái hạng này đây, bò trong chuồng, bò ngoài chuồng, bò bị nhốt dây trong thân ngoài, dây ngoài thân trong ...

Ngài nói cho đã rồi cuối cùng Đức Thế Tôn ngài nói: ở thế giới này có hai kiểu đồng.

- Đồng như thế nào mà cùng đi lên,
- Đồng kiểu nào mà cùng nhau đi xuống.

Thế là xong. Xong một kết hợp mà tôi cho là tuyệt hảo.

ĐOẠN 6.

Bây giờ tiếp theo, mình học về kinh nói về ngài Mahā Kaccāna. Đoạn số 6. Cái kinh này, tôi thiết tha, mong mỗi, trông đợi, hy vọng các vị trong room là cái kinh này mình đã học rồi ở bên Tương Ưng. Là vì đâu ở đời này thiên hạ đấu tranh, giành giật, tương tranh, tương sát, tương tàn nhau? Thì ở trong kinh nó mới nói thế này: do thiên chấp, trói buộc, do đắm say bởi các tham ái và tà kiến cho nên người ta mới tương tranh, tương sát, tương tàn. Không biết các vị nhớ cái này không ta.

Thế nào là thiên chấp? Có nghĩa là do có cái phân biệt thích và ghét, khổ và lạc, do có phân biệt từ góc nhìn của người có phiền não, do có cái phân biệt từ góc nhìn của

ngã chấp, từ đó mới dẫn đến cái thiên chấp.

Tôi đã nói không biết bao nhiêu lần. Đó là mình là đàn ông thì có vô vàn những thứ trong mộng của đàn bà, cho mình, mình cũng không thèm. Đó. Mà mình là đàn bà, có nhiều món quà mà đàn ông cho là trong mộng, cho mình, mình cũng không thèm. Gọi là thiên chấp.

Chứ còn trong cái nhìn của một vị A-la-hán thì không có cái đó. Nói như vậy không có nghĩa là vị thánh ni xài đồ của đàn ông, mà vị thánh tăng xài đồ của đàn bà. Không phải, không phải. Mà cái thiên chấp ở đây là không có nặng lòng đó. Nhớ nha.

Các ngài không có nặng lòng như mình. Không xài được thì thôi, để qua một bên. Đối với các ngài, khổ lạc giống như lá vàng, lá xanh. Các vị tưởng tượng đi, cũng có cái phân biệt, nhưng mà nó khác nhau nhiều lắm.

- Một bên mình nhìn cái món mình thích, một bên mình nhìn cái món mình ghét. Đó cũng là một kiểu phân biệt.

- Còn bây giờ, đây là kiểu phân biệt thứ hai nè: mình nhìn, mình thấy cái lá vàng nó không giống cái lá xanh và lá xanh không giống lá vàng.

Không biết trong room có hiểu được hai cái phân biệt này không ta? Đều là phân biệt hết, trên từ ngữ mình gọi là phân biệt. Nhưng trong cái tâm cảm nó khác nhau nhiều lắm.

Bây giờ mình nhìn hai người đứng, không quen biết, không ghét, không thương, thì mình biết thằng cha này đẹp hơn thằng cha kia, hết; bà này đẹp hơn bà kia, hết. Còn đằng này mình nhìn để mà ghét, thù, bực mình, ái luyến, tương tư, nặng lòng, thì cái đó nó khác.

A-la-hán nhìn là nhìn lá vàng, lá xanh vậy thôi. Ngài nhìn sỏi thì không giống đá, đá thì không giống sỏi, khác nhau, đá cuội nó không giống đá ong, đá ong nó không giống đá cuội, chỉ vậy thôi, chứ không hề có cái gì trong đó.

Mà chính vì có sự thiên chấp cho nên mới có tương tranh: do tui ghét cái này, do tui thích cái này. Cùng ghét một thứ thì có thể người ta thích nhau, nhưng cùng thích một thứ thì chắc chắn ghét nhau. Cùng lo một việc người ta quý nhau, mến nhau, chứ cùng khoái một món người ta sẽ căm nhau, thù nhau, hận nhau, oái nhau, chán nhau.

Cho nên ở đây ngài Mahā Kaccāna giải thích vậy đó. Nhưng Ngài có cách giải thích rất đặc biệt, rất khiêm tốn, rất là A-la-hán, rất Thánh. Là sao? Thay vì gặp mình, mình giảng cho đã, mình vợ, mình nhận của mình; còn Ngài thì không. Ngài giảng xong rồi ngài nói: “Cái nhận thức này từ bậc Đạo Sư của tôi, chứ không phải của tôi. Tôi học được từ Ngài đó.”

Thì ông nghe, ông thích quá, ông quý xin quy y bậc Đạo Sư mà ngài vừa nhắc tới. “Trước mắt con cũng xin quy y với ngài. Xin ngài hãy đại diện Tam Bảo, đại diện Chúng Tăng ghi nhận cho con, kể từ hôm nay cho đến trọn đời, con sẽ là một bậc thiện nam.”

Bài kinh rất là gọn, nhưng nội dung đủ bao hàm toàn bộ kinh điển.

Sẵn đây tôi cũng gợi ý với quý vị một chuyện. Ai mà có internet, vào Google đánh tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Lào, tiếng Campuchia gì cũng được: những pháp thoại liên quan đến ngài Mahā Kaccāna, cũng chính là Mahā Kaccāyana, đệ nhất luận nghĩa.

Có một chuyện rất là độc đáo mà tôi mê say, mà thương quý tuyệt đối đối với vị này. Thánh Tăng, coi như La-hán thì vị nào cũng như vị nào. Mà đã nói là đại thánh văn thì vị nào cũng trí tuệ như nhau, có màu sắc, chi tiết, dáng nét thì nó hơi khác khác một chút, chứ còn đại thể thì các ngài khác nhau, tu là tu 100 ngàn đại kiếp hết: ngài Ānanda, ngài Ca-diếp ... đều có tứ trí vô ngại, đều có lục thông, đều có tam minh như nhau.

Mà lạ một chỗ là những pháp thoại, những câu trả lời, những bài giảng mà có liên hệ đến ngài Mahākaccāyana, Ngài trả lời cho người ta hay ngài trao đổi với các vị Thánh khác, hoặc là ngài thuyết giảng cho người khác, thì sâu kinh khủng, sâu kinh hoàng, sâu không dò tới đáy, lạ lùng lắm. Đặc biệt là những bài giảng của Đức Phật nói chuyện với ngài Mahākaccāyana, lại tiếp tục ngài nói bằng cái kiểu đó, bằng đề tài đó, góc nhìn đó. Đây là nhân vật rất là đặc biệt.

Nếu có người hỏi tôi là: “Bây giờ mình tu hành ba-la-mật thì mình nên nguyện cái gì?” thì tôi trả lời: chết nhất thì cứ nguyện đắc Tu-đà-hườn, không nguyện gì hơn. Còn bảnh hơn một chút thì nguyện thành thị giả, hoặc đệ nhất trí tuệ, hoặc đệ nhất

luận nghĩa, hoặc đệ nhất thiên nhãn, hoặc đệ nhất túc mạng minh, nhớ nhiều kiếp. Đây là cái đệ nhất mà tôi rất là mê.

Khổ nổi chỉ có chư Phật Chánh Đẳng Giác mới kiêm ưu tất cả các khả năng này. Còn các vị thánh văn thì mỗi vị trời có một môn thôi. Đệ nhất luận nghĩa tức là những câu nói mà Phật nói rất là ngắn gọn, văn tắt, thì qua tai ngài Mahākaccāyana, lập tức sáng ngời mà sâu thăm thẳm, mà rộng bát ngát.

ĐOẠN 7

Đoạn số 7 cũng ngài nữa. Thì chúng ta biết đó là ngài Mahākaccāna có vài chuyện rất là đặc biệt. Ngài cũng tu 100 ngàn đại kiếp y chang như ngài Ānanda, ngài Ca-diếp, ngài Ūpālī, nhưng mà do cái huệ căn của ngài hơi lạ lạ.

Trong chú giải có chia ra hai cột thánh văn: một cột là chủ về trí, về tuệ; một cột là chủ về định. Cột chủ về trí thì do ngài Xá-lợi-phất dẫn đầu, phía sau có ngài Ānanda, ngài Kōṭṭhika, ngài Mahākaccāna ... Còn bên cột chủ về định học thì dẫn đầu là ngài Mục-kiền-liên, sau đó là những vị khác như ngài Anuruddha, những vị liên hệ đến thần thông như là đệ nhất túc mạng minh gì đó.

Ngài Mahākaccāna nằm trong nhóm chủ về tuệ. Và do huệ căn hơi lạ, điểm này phải nhớ, cũng là gặp Phật Chánh Đẳng Giác, cũng quỳ lạy, cũng cúng dường, cũng phát bồ-đề tâm, cũng cầu giải thoát, nhưng mà do cái tâm nguyện lúc đó nó thuần trí, đại tuệ. Cho nên người trí nhiều khi họ làm phước, cái công đức nó lớn hơn người trí ít.

Cách đây 100 ngàn đại kiếp, khi quỳ dưới chân Đức Phật Padumuttara và nguyện trở thành vị thánh văn đệ nhất luận nghĩa cho một vị Phật tương lai, thì kể từ lúc đó trở đi, 100 ngàn đại kiếp, ngài Mahākaccāna không hề bị sa đọa bốn cảnh khổ, chỉ sanh vào ba cảnh giới: nhân loại, dục thiên và phạm thiên, là vì huệ căn sâu dày.

Còn ngài Xá-lợi-phất không phải là tuệ ít, mà tâm nguyện quá lớn. Và ở đây tôi nói cái này sẽ có người dựng lên tới nóc luôn: là những vị Bồ-tát Chánh Đẳng Giác, Độc Giác, chí thượng thánh văn, rồi từ từ xuống các vị đại thánh văn, những bậc đại trí từ đâu mà ra? Nguyên thủy thực chất chính là những vị đại dục.

Có nghĩa là ngài khác cái người bình thường ở chỗ: người bình thường chỉ cần là háo

sắc thì có được người đẹp trong tay là xong, mê tiền chỉ cần giàu là xong, thích sung sướng chỉ cần nhung lụa là xong, thích nổi tiếng chỉ cần lừng lẫy là xong. Những vị đại nhân như thế này thì họ không có xong sớm như vậy.

Trong kinh nói asāraṃ disvā hoặc một cách nói nữa là araṇadisva, có nghĩa là không tìm ra cái gì là cốt lõi. Khi mà các ngài háo sắc, ham tiền, thích hưởng thụ, thích ăn ngon, thích mặc đẹp, thích quyền lực cũng như mình, nhưng mà đặc biệt, thích thì thích, nhưng khi được rồi, các ngài lập tức thấy ngay rằng cái mình có không có mới. Các ngài cố gắng đi tìm cái gì đó nó dữ dằn hơn, cho ngon lành hơn, cho bền vững hơn, cho trường cửu hơn. Khác người bình thường ở chỗ đó.

Bậc đại căn, đại hiền, đại trí, họ luôn luôn đi tìm cái tốt hơn. Vậy cho nên tôi nói hoài: trên con đường đạo, đừng bao giờ hướng tới cái tốt nhất, mà phải hướng tới cái tốt hơn. Mình nghe thấy cái tốt nhất mình thấy ham, nhưng thực ra cái đó bẫy vô cùng. Bởi vì khi mà cái đầu mình dính vào cái tốt nhất thì rất dễ bị tự lừa hoặc bị lừa khác nó lừa. Trong đầu mình có chữ “nhất” thì mình có nguy cơ dừng lại.

Đối với bậc thượng thừa, họ không có kẹt trong chữ “nhất” mà họ khoái chữ “hơn”, luôn luôn hướng tới cái tốt hơn. Cho nên bây giờ mình có cho họ viên kim cương nặng một tạ đi nữa, họ vẫn tìm xem có viên kim cương tạ mốt không. Mình cho họ viên kim cương tạ mốt, họ tìm cái viên kim cương nào tạ rưỡi, hai tạ không, thí dụ như vậy.

Còn thứ nhà nghèo, thứ mà chí nguyện nhỏ nhoi, tâm địa tiểu thừa, thì lập tức nhanh chóng vừa lòng với cái mình đang có, cho nên vị đó đi không có xa. Cho nên rất nhiều, rất nhiều những câu chuyện kể tiền thân Bồ-tát và ngài Xá-lợi-phất sanh ra là một hoàng tử, một công tử, một đại gia, một thiếu gia. .. Thì một ngày kia, sau khi tắm rửa sạch sẽ, ngồi trong biệt thự vàng son chói lọi, rục rờ, nhìn quanh kẻ hầu, kẻ ăn người ở, mấy vị có suy nghĩ thế này:

- “Ta tiếp tục sống thế này đến 100 tuổi, rồi sao? Rồi sao nữa? Ta tiếp tục đi về mồ, đi về gò đất mà nằm như bố mình, ông nội mình, ông cố mình ...”

Nghĩ như vậy rồi lập tức bỏ nhà đi tu. Không phải chỉ một lần, mà trăm triệu ngàn ức tỷ lần như vậy.

Còn mình thì nói tri túc thì không chịu tri túc. Có nghĩa là có y tốt thì muốn y tốt hơn, có cốc tốt, phòng tốt, muốn có cốc tốt, phòng tốt hơn. Trong vật chất thì luôn muốn cái tốt hơn. Nhưng mà trong cõi tâm linh, cõi tinh thần, hành trình đạo nghiệp, đạo hạnh, thì chúng ta mau chóng hài lòng, thỏa mãn. Chúng ta trái ngược với hiền thánh. Hiền thánh sống vật chất trước mắt, họ rất dễ tri túc. Nhưng mà cái gì xa, cái gì dài, thì họ có cái nhìn rất đáng nể. Còn mình thì sao? Mình như một đứa bé, rất dễ hài lòng với một số chuyện mà lẽ ra mình phải sớm buông bỏ. Rồi đối với cái cần phát triển thì mình lại sớm thấy xuống.

Kẻ tầm thường thì sớm hài lòng với cái cần phát triển, và có cái lòng tham không đáy với thứ không cần có thêm. Thánh hiền thì ngược lại.

Suốt 100 ngàn đại kiếp không bị đọa, chỉ đi về ba cảnh là nhân loại, dục thiên và phạm Thiên; còn riêng Bồ-tát Chánh Đẳng Giác và ngài Xá-lợi-phất thì không có quãng thời gian nào dài như vậy mà không bị đọa, là vì các ngài này cái nguyện lớn quá. Các vị lẫn xả vào các việc mà nhiều lúc chấp nhận cả tội ác.

Ví dụ, Bồ-tát có nhiều kiếp muốn cả làng, cả thị trấn này, miền đất này, cả đất nước này giữ giới, mà cái ông vua này là hôn quân bạo chúa, chỉ biết gái và rượu thối, thì phải đảo chính nó, phải xóa ngôi nó để leo lên làm vua, để mình là minh quân thánh chúa, để cho cả đất nước này đi lên.

Nghe như vậy quý vị đừng tưởng lầm Bồ-tát sinh ra làm kẻ phiến loạn, không phải. Bồ-tát đã dẫn thân vào chính trị là đi cho tới nơi tới chốn. Làm học giả, làm nghệ nhân, nghệ sĩ, làm tu sĩ, cái gì Ngài cũng hơn. Nhìn thì thấy tham vọng, nhưng mà phải như vậy đó. Cái tham vọng được kết lại bằng nhận thức mọi thứ đều là giả, để rồi đi đến cái cao hơn.

Ngài Mahākaccāna có cái nghiệp đặc biệt nữa là nhiều đời Ngài tu từ tâm, vị tha, độ lượng, khoan dung, tha thứ, cho nên đời đời Ngài sinh ra cũng là khô vi, tuần tú. Kiếp chót chứng La-hán vậy mà vẫn đẹp chói ngời.

Trong kinh có ghi, La-hán nào cũng vì lòng đại bi mà không để kẻ khác thất đức, nên không bao giờ đánh lừa người kém mình. Từ đó mới có tin đồn là Ngài Mahākaccāna không biết tôn trọng người lớn tuổi.

Trong kinh có kể rằng: lớn có ba kiểu lớn.

- Một là lớn trong giá trị mặc định của thế gian, như chức tước, quyền lực hay danh vị. Ví như trong làng người ta bầu ông đó là ông cả, quan huyện, thừa tướng, vua quan; cái này rất là mơ hồ. Mình thấy cũng là tướng tá, thì khi thay ngôi đổi vị thì thành tù cái tạo ...

- Lớn thứ hai là lớn do tuổi đời hay tuổi nghề.

- Lớn thứ ba là lớn về đức độ, đạo hạnh.

Thì Ngài Mahākaccāna giải thích rằng, người ta trách tôi là không đứng dậy mời chào, nhường chỗ cho các vị trưởng thượng, tôn đức. Mà theo giáo pháp của Đức Thế Tôn thì lớn ở đây có nhiều trường hợp lắm, ba cái lớn kể trên. Nếu không kể cái thứ ba thì chúng ta suốt đời chỉ biết cúi đầu trước kẻ tóc bạc, trước kẻ quyền lực, mà chúng ta quên đi một giá trị rất lớn, giá trị làm nên trật tự thế giới hôm nay.

Hôm nay những người đạo hạnh, đức độ mà họ không được tôn trọng thì thế giới đó loạn. Chúng ta tự tăng đức độ của mình bằng cách là tôn trọng các vị có đức độ.

Trong kinh ghi rõ:

- Coi thường vật chất sẽ đem cho ra; cho ra ta sẽ được vật chất.

- Tôn kính trí tuệ thì sinh ra mình sẽ có trí tuệ.

- Tôn kính đức độ thì tự thân mình cũng là người có đức độ.

Nhưng mà phải xem thường vật chất thì mới được vật chất.

Tây nó có câu tàn nhẫn lắm: “Vật chất tạo ra để sử dụng, con người sinh ra để thương yêu.” Nhưng mà thế giới hôm nay cơ hồ nó là ngược lại, là con người bị sử dụng và vật chất được thương yêu. Mình đang làm chủ những thứ mình có hay là những thứ mình có nó đang làm chủ mình? Mình mà bị gì thì cái áo, cái quần nó có buồn không? Mà cái áo, cái quần nó bị gì thì mình khổ. Nó có mình hay là mình có nó?

Thì ông nghe như vậy thì ông quỳ xuống đánh lễ Ngài: Ồ, bây giờ con mới biết ba cái giá trị đó. Kể từ bây giờ con hiểu là như Ngài mới là lớn, như con mới là nhỏ.

ĐOẠN 8

Đức Phật Ngài dạy rằng: khi nào có địa phương nào, vùng đất nào, lãnh thổ nào mà

kẻ gian đặc thời, đặc thế, thì vương quyền ở đó có vấn đề. Ở đâu mà người xấu tha hồ tự tung tự tác thì ở đó người lành bị lép vế, bị hà hiếp.

Trong cơ thể mình cũng vậy, thứ cần thì nó phải mạnh, nhiều, đủ; thứ không cần thì nó phải yếu hoặc là không có. Đây là nguyên tắc rất là đơn giản, từ vật lý, y học cho đến nguyên tắc đạo học đều là như vậy.

Trong đạo cũng vậy, ở đâu mà các vị ác Tăng — ác Tăng là không giới, không trí tuệ, không thiền định — mà những vị đó nắm vai trò cầm trịch, vai trò thượng phong, thì coi như là tiêu ở chỗ đó rồi. Tức là thay vì Giáo hội được phát triển, chùa miếu được dựng lên, chư Tăng phải được đào tạo, học hỏi, thì đằng này các vị lớn, các vị có trách nhiệm, có quyền lực, có điều kiện, thì lại chú ý đến chuyện đó, gọi là ác Tăng.

Trong khi các vị chơn Tăng, vị chơn tu có giới, có tri kiến, có thiền định, có trí tuệ, mà họ nắm vai trò thượng phong thì cả tăng ni, Phật tử được nhờ cậy rất là nhiều. Cho nên nếu mà ác Tăng thịnh thì chơn Tăng lùi, mà chơn Tăng thịnh thì ác Tăng lùi.

ĐOẠN 9

Đức Phật dạy rằng Ngài không tán thán tà hạnh, micchāpaṭipatti, có nghĩa là hành động sai quấy, không đúng với chánh đạo. Ngài nói rằng dầu là vị xuất gia hay cư sĩ mà sống sai với Bát Chánh Đạo, không đúng với tam học, thì chỉ có họa thôi. Họa ở đây là sống xa với thiện pháp.

Dầu đạo hay đời, khi mà nói năng, suy tư, hành trì thì cũng phải luôn chú ý là mình đang làm đúng hay là sai. Vì chỉ cần sai đường — dốt nát mà cộng với tích cực thì bằng phá hoại. Đức Phật Ngài dạy, đối với một con đường chánh pháp mà mình lười biếng thì chỉ có gặp họa thôi; nhưng mà đối với con đường tà đạo mà lười biếng thì đỡ khổ.

Nếu hôm nay mình gặp được chánh pháp thì nhớ rằng, gặp chánh pháp thì phải tinh tấn; còn nếu mà đi sai pháp thì mệt mỏi lắm. Khi mà mình đã bước chân trên đường thì Tào có nói một câu: “Con đường thiên lý nào cũng bắt đầu từ bước chân đầu tiên.” Tây nói: “Bước chân đầu tiên đi đúng hướng coi như ta đã đi được nửa đường.”

ĐOẠN 10

Đức Phật dạy rằng: ở đời này có ba điều khó kiếm.

- Một là sự ra đời của vị Chánh Đẳng Chánh Giác.
- Thứ hai là người có thể thuyết giảng chánh pháp của chư Phật.
- Thứ ba là hạng biết tri ân và báo ân.

Hôm nay mình có một nhận thức thế này: cứ có một, hai tập thơ thì bèn coi mình là thi sĩ; có một cuốn tiểu thuyết, không biết hay dở thế nào, in ra một cuốn, bán chạy hay thế nào, tự nhận mình là văn sĩ; có một mớ Phật tử sādhu thì thành pháp sư. Đừng tin ai hết.

Đoạn này Đức Phật dạy rất rõ, vị tỳ-kheo thuyết giảng chánh pháp là người chịu trách nhiệm vấn đề siêu đọa của chư thiên và nhân loại. Mặc dù siêu đọa ở một nơi khác, nghe nói siêu đọa là chuyện của bản thân, nhưng vì đâu mà mình có kiểu hành trì, nhận thức đó? Là do hai nguồn: tà hay chánh kiến.

Một là parato ghosa, từ kẻ khác. Nguồn thứ hai là manasikāra, là suy tư, là động não, là vắt óc, là yoniso hay ayoniso. Cho nên là người khác lại không quan trọng, tùy người. Có người người khác quan trọng 50%, có người là 80%.

Ác nhất trên đời là khoái làm thầy mà quên quyền lợi của trò. Kệ cha nó, miễn là mình ngồi trên đầu nó làm sư phụ là khỏe.

Rồi thì cái đó hại vô cùng. Mà mình quên một chuyện nữa là mình mà dạy tào lao, ngoài chuyện mình gây họa cho mình, mai một đời sau sinh ra mình gặp trở lại mấy đứa mà đã học cái tào lao đó, mà mình học trở lại nó thì coi như mình là người đi gài lựu đạn, gài mìn. Thì coi chừng sau mình quay trở lại vùng đất đó thì chính mình là người đạp vào trái mà mình đã gài.

Hôm nay vì đâu mà có những cái danh thư? Tại sao mà có những tác phẩm tào lao? Tại sao có những công trình không ra gì về chính trị, văn hóa, tôn giáo, triết học ...? Vì cái não trạng có vấn đề nó mới tạo ra các vấn đề đó. Mình sinh ra đời mà cứ đi lang bang thì thế nào cũng đạp vào mấy cái trái đó. Đừng có nghĩ là mình ham làm sư phụ rồi ham bày ra những cái đó, rồi sau này dẹp không được. Tôi nhớ câu này: “Đừng bày ra cái gì mà mình không dẹp được”.

PHẨM HỘI CHÚNG

ĐOẠN 1

Đoạn 1 là ta học nội dung tiếp nối với nội dung mà mình vừa học. Đức Phật dạy rằng có hai loại hội chúng: hội chúng nông nổi và hội chúng thâm sâu. Nông nổi ở đây nghĩa là nông cạn, *uttāna*: nông cạn, cạn cợt. Bài này rất quan trọng.

Chúng ta có thích nhau hay không, nhưng mà vì sao mà chúng ta gặp nhau? Vì chúng ta có những điểm giống nhau. Chúng ta như giọt thủy ngân giống nhau. Dầu chúng ta có đóng cửa sống một mình trong phố hay đào hang sống trong núi thì đừng bao giờ nghĩ rằng mình là một mình một cõi trong càn khôn thiên hạ này. Ta luôn là thành viên của một hội chúng nào đó trong trời đất, kín đáo hoặc công khai.

Bây giờ, tôi gác hải đăng 60 năm nay, không vợ không con, mỗi tháng tôi vào đất liền lấy thuốc men, thực phẩm, quần áo, rồi tôi ra đảo tôi sống 60 năm. Các vị cứ tưởng là đời này, kiếp này và thiên thu vạn đại tôi là người cô đơn. Sai bét. Tôi đang âm thầm lặng lẽ làm member, là hội viên, là thành viên chung một nhóm với mấy thằng cha gác hải đăng khác cũng cô đơn như tôi.

Tức là trong cái nhìn của tôi thì trên đời này chỉ có cái thằng tôi gác hải đăng. Tôi quên trên đời này có bao nhiêu hòn đảo hoang như thế và có bao nhiêu kẻ yêu cô đơn như thế. Thì những kẻ ấy với tôi đang âm thầm lặng lẽ làm nên cái hội chúng trong đời sau kiếp khác, mà kiếp này tạm thời xa nhau mà thôi.

Đó là chuyện đầu tiên nói về hội chúng. Đừng bao giờ nghĩ tôi chơi solo, tôi chơi một mình, một mình một ngựa, một mình một cõi. Mình có là ai thì mình luôn là thành viên trong một hội chúng. Cho nên bài kinh này đang nhắm vào từng người trong chúng ta.

- Hội chúng nông cạn là chỉ lo về bề ngoài, thích nói, thích nhìn, thích nghe mà lười suy tư; không chánh niệm, không tỉnh giác; không thiền định; các căn thả lỏng.
- Hội chúng thâm sâu là không khoái nhìn, không khoái nghe, không khoái tiếp xúc, không khoái va chạm bằng ngoại căn, ngoại tướng, ngoại hình, mà lại sống về nội hướng, hướng thượng.

Như vậy, 7 tỷ người trên hành tinh này cộng với vô số động vật lớn bé thì đều nằm gọn trong hai hội chúng này. Không hề có một cá nhân nào, dù phàm hay thánh, ngu hay người hiền, trên đời này nằm ngoài, không giống ai.

Kể cả chư Phật, mỗi thời kỳ chỉ có một vị Phật ra đời độ sinh trong một quần thể vũ trụ. Nhưng mà vị Phật này giống vị Phật khác. Các Ngài không bao giờ có chuyện gặp nhau, nhưng xét về tinh thần trừu tượng thì các Ngài cũng là thành viên của chư Phật ba đời, mười phương.

Chúng ta đều sống một mình trong núi hay là ngoài phố thì kiểu sống của chúng ta nó đang âm thầm đưa ta về với một nhóm nào đó trong gấm trời này. Chúng ta là ai, chúng ta như thế nào thì chúng ta từng bước sáp nhập vô với họ từ hình thức hay là nội dung.

Mình muốn gần thánh hiền thì phải có cái gì giống với thánh hiền. Trong Tăng Chi có nói chúng sanh giới nào theo giới đó. Tôi thương người đó lắm, tôi quý người đó lắm. Tôi quý là quý ở cái thiện pháp chứ không phải cái tư cách cá nhân của người đó, để sau này dù có thị phi mình không có thất vọng, mình không cộng nghiệp với người đó một cách thơ ngây.

Bản thân tôi, tôi cũng luôn tự nhắc tôi như vậy. Tôi chỉ mong gặp lại người mà hỗ trợ tôi trong con đường tâm linh thôi, chứ tôi không mong gặp lại người mà kiếp này là thân bằng quyến thuộc. Bởi vì gặp lại nhau trong điều kiện cùng nhau làm chuyện tào lao hưởng hạ chứ không phải là hưởng thượng thì coi như chết.

ĐOẠN 2

Đức Phật dạy rằng có hai hội chúng là hội chúng bất hòa và hội chúng hòa hợp. Ngầm hiểu hòa hợp là cùng nhau hưởng thượng, cùng nhau tu tập, đồng tâm, đồng chí, lý tưởng trong hướng đi chánh pháp. Đoạn này hỗ trợ đoạn trên.

ĐOẠN 3

Đức Phật dạy có hội chúng thù thắng và hội chúng không thù thắng, là sống đầy đủ vật chất, nhưng lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng viễn ly.

Có nghĩa là sống sướng quá bắt đầu ngán đi đâu mà không có máy lạnh, không có

máy sưởi; ở đâu mà có nhà lá vách đất; ở đâu mà thấy đường không trải nhựa; ở đâu mà thấy đường không có điện, quạt máy; ở đâu không có nước đá; ở đâu không có xe cộ đi lại; ở đâu không có phương tiện đi lại thoải mái; ở đâu không có alo, internet thì bắt đầu sợ.

Mà thực ra bữa nay tôi phải nói với bà con một chuyện rất là quan trọng. Từng người trong room này nên chuẩn bị tâm lý cho cuối đời, kể từ hôm nay cho đến lúc chết gọi là cuối đời, thì quý vị phải có thời gian sống hết mình với Tứ niệm xứ. Còn không chúng ta sẽ rơi vào câu mà Đức Phật dạy rằng: dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh vãn ly. Bhāra: trách nhiệm. Ở đây Ngài Minh Châu dịch là gánh nặng, không phải Ngài dịch sai đâu. Ở Việt Nam có chữ trọng trách, trọng nhiệm, trọng là nặng.

Tức là mình phải xem chuyện tu hành là chuyện mình phải làm. Dầu chúng ta có dễ người, lười biếng, nhưng cũng tự nhủ lòng rằng chuyện gì rồi cũng qua đi, nhưng chắc chắn sẽ phải chết sẽ đến. Cái gì mình cũng có thể tin được nhưng mà chuyện sanh về đâu thì khó lường lắm.

Có dễ người, có tào lao cách mấy, có bất thiện cách mấy, có lừa Phật, có dối Tăng, có lừa chúng cách mấy đi nữa, thì cuối cùng đem về một mình, mình cũng tự nhủ mình: mình có tào lao, mình có như con dòi đi chẳng nữa, mình cũng phải sợ chứ. Sợ lúc mình ngáp ngáp thở không được, mắt cánh chuồn, mắt trợn dọc sợ hãi, mình mảy cứng đờ, lạnh ngắt, không cử động được, thì lúc đó mình mới sợ hãi, rồi tiếc nuối, rồi đau đớn, rồi hoảng loạn thì mệt lắm. Phải nghĩ đến lúc đó.

Tôi đã nói không biết bao nhiêu lần là ngàn người không được một người nghe, mệt mệt rồi ra đi.

Nikkhittadhurā nghĩa là bỏ rơi gánh nặng hay là trách nhiệm.

Lớp hậu nhân tùy thuộc hậu kiến của họ cũng tiếp tục sống trong sự đầy đủ, tức là mặt pháp bắt đầu từ đó, từ bây giờ. Và sự suy sụp sức khỏe của mình nó cũng bắt đầu ngay từ bây giờ, ngay từ kiểu sống, kiểu ăn, kiểu uống, kiểu vui chơi, kiểu đi lại, kiểu sinh hoạt của mình.

Tây có câu rất là hay: “Tương lai thực ra đã có mặt trong từng ngày quá khứ của ta”, nghĩa là hôm nay là tương lai của ngày hôm qua và là quá khứ của ngày mai. Nên cái

sự suy tàn của chánh pháp bắt đầu ngay từ bây giờ, ngay từ cái cách nghĩ, cách hành trì, cách nghĩ của tăng ni Phật tử.

- Cái hội chúng mà có nhận thức, có hành động, hành trì, có lối sống chối bỏ mà ngoảnh mặt với tinh thần hướng thượng, tích cực, năng động của chư Phật, thì hội chúng đó được gọi là hội chúng không thù thắng.

- Và ngược lại thì được gọi là hội chúng thù thắng.

Chúng ta đang từng ngày thực hiện một bãi mìn hay một thảm cỏ cho mình kiếp sau. Một bãi mìn là chúng ta đang làm bao nhiêu điều sai quấy thì đời sau mình sẽ quay trở lại bãi mìn đó. Còn nếu hôm nay mình đang thực hiện một thảm cỏ, một công viên xanh ngắt, sạch sẽ, thơm phức, thì đời sau chúng ta cũng quay lại cái thảm cỏ đó.

Thảm cỏ hay bãi mìn là do mình. Đừng nghĩ rằng mình đi rồi mình không quay trở lại. Hôm nay chúng ta đang sống trong thế giới gì, chúng ta đang có mặt ở trong một đất nước như thế nào, chúng ta đang có mặt ở trong giáo pháp ra sao, thì cái đó cũng là do quá khứ, chứ không phải khơi khơi mà chúng ta gặp Nam Tông, Bắc Tông, Khất Sĩ ... Mà do đời quá khứ chúng ta đã như thế nào đó, là chúng ta đã gieo chủng tử nào đó.

ĐOẠN 4

Có hai hội chúng: hội chúng phàm và hội chúng thánh.

- Hội chúng phàm gồm có hai: là mù tịt về 4 đế, hoặc biết về 4 đế bằng phàm trí, cảm nhận bằng phàm tâm.

- Hội chúng thánh có hai: là hiểu biết căn bản 4 đế, là 3 tầng thánh thấp; và hiểu biết triệt đế về 4 đế, tức hữu học và La-hán.

Trong bộ A-tỳ-đàm số 4 của 7 bộ, tên là Puggalapaññatti, Đức Phật dạy có 4 thứ xoài:

- ngoài sống trong chín,
- ngoài chính trong sống,
- trong ngoài đều sống,
- trong ngoài đều chín.

Cũng có 4 hạng người tương tự là:

- đạo không phong cốt cách trang nghiêm mà mù tịt về 4 đế;
- hai là vẻ ngoài không có gì xuất sắc nhưng am tường 4 đế;
- vẻ ngoài tầm thường mà nội hàm cũng không ra gì;
- vẻ ngoài ngon lành và trí tuệ về 4 đế thì xuất sắc.

Nguyện đời đời cho con gặp mình sư thiện hữu, đừng vì vẻ ngoài ngon lành hấp dẫn mà bên trong chua lết. Nếu có người hỏi tôi thời này là thời mật pháp thì nên tu gì, thì tôi đề nghị pháp môn gọi là tu nguyện. Có khoảng hơn 50 nguyện, ví dụ:

- đời đời kiếp kiếp hãy có hiền thánh thì con xin được gặp;
- đời đời kiếp kiếp khi con muốn làm thiện thì nghèo cách mấy cũng có điều kiện;
- đời đời kiếp kiếp khi con có lòng làm ác thì đừng cho có điều kiện;
- đời đời kiếp kiếp mong cho con được gặp mình sư thiện hữu;
- đời đời kiếp kiếp xin cho con đừng có bị dối lừa bởi vẻ ngoài bắt mắt, dầu về tình cảm hay là về đạo học;
- đời đời kiếp kiếp xin cho con nhận ra cái gì là cốt lõi, cái gì là chấp vá; ...
- con sống bao lâu không quan trọng, chỉ xin được chết sạch, chết yên, chết tỉnh.

Theo A-tỳ-đàm thì mỗi lần nguyện như vậy là một lần tác ý, cetanā, mà cetanā này được lặp đi lặp lại nhiều lần thì nó sẽ trở thành adhiṭṭhāna. Khi mà nó trở thành adhiṭṭhāna thì nó trở thành lời chú nguyện rồi, nó là nguyện lực rồi, thì nó có sức mạnh kinh khủng. Ngoài cái Tứ niệm xứ ra thì mỗi ngày làm một bài nguyện như vậy.

Ở đây có hai hội chúng: hội chúng phàm phu và hội chúng thánh nhân.

- Hội chúng phàm phu gồm 2 nhóm:
 - + nhóm 1 là mù tịt về 4 đế; và
 - + nhóm 2 là biết 4 đế qua trí văn, trí tư và một mảnh trí tu.
- Hội chúng thánh nhân là hội chúng gồm 2 nhóm:
 - + một là nhận thức căn bản về 4 đế, là 3 tầng thánh đầu; và
 - + nhóm 2 là nhận thức triệt đế về 4 đế, đó là vị La-hán.

Ở đây Thế Tôn trích riêng ra 4 đế vì toàn bộ Phật pháp của Đức Thế Tôn có thể lập cước, lập cước là lấy làm nền tảng, trên 4 đế:

- là mọi sự hiện hữu là khổ;
- thích cái gì thì cũng là thích trong khổ, mà thích trong khổ thì tiếp tục tạo ra khổ;
- muốn hết khổ thì đừng thích trong khổ nữa; niềm đam mê nó vắng mặt lúc nào thì lập tức hết khổ;
- sự thật thứ 4 là gom hết 3 nhận thức trên lại thì đó chính là con đường thoát khổ, nói theo trong kinh là Bát chánh đạo.

Tu Tứ niệm xứ, tu Bát chánh đạo, tu Thất giác chi, Ngũ căn, Ngũ lực, Tứ như ý túc, Tứ chánh cần hay là cả 37 nói chung thì cũng gom lại trong hành trình nhận thức ấy. Nghĩa là tu Tứ niệm xứ để làm mấy chuyện đó thôi. Biết rõ mọi thứ là khổ: đi đứng nằm ngồi là khổ, ăn uống nhai nuốt là khổ, nói cười buồn vui là khổ; mà hễ có cái thích thì đó là nguyên nhân của khổ, thích trong cái gì thì cũng là nguồn khổ. Muốn hết khổ thì đừng thích nữa, biết nó là nó thôi.

Dĩ nhiên cái này nói ra thì khó làm, nhưng mà bắt buộc. Nó giống như bây giờ mình chữa ung thư vậy, dầu là hóa trị, xạ trị, dầu rụng tóc nghe ngán thiệt, nhưng mà bây giờ phải làm thôi chứ. Giờ ngán quá không làm thì chết hay sao.

Đức Thế Tôn trong bài này Ngài chỉ nói một chuyện thôi: trên đời có hai hội chúng biết và không biết về 4 đế.

Chính vì không biết mọi thứ trên đời là khổ nên chúng sanh phàm phu mới chia làm 2 nhóm.

- Nhóm 1: vì không biết mọi thứ là khổ nên họ mới trốn khổ tìm vui bằng cách làm toàn là nghiệp xấu, từ đó sa đọa 4 đường.
- Nhóm 2: vì không biết mọi thứ là khổ nên họ mới trốn khổ tìm vui bằng cách làm toàn là nghiệp lành, nên từ đó sinh tử trong các cõi nhân thiên, hết tuổi thọ thì quay về chỗ thấp nhất, vì nghiệp xấu của ta luôn nhiều hơn nghiệp lành.

Tập khí, thói quen sanh tử nhiều đời của mình là làm ác nhiều hơn làm thiện, quơ tay là bạn xấu nhiều hơn bạn lành, điều kiện làm ác nhiều hơn làm lành, trong khi lâu lâu mới có một vị Phật ra đời, mà mình thì ở đâu ...

Được làm người có dễ đâu

Được làm người khó sống lâu trên đời

Được nghe chánh pháp tuyệt vời

Được vui gặp Phật ra đời khó thay!

ĐOẠN 5

Có hai loại hội chúng: hội chúng cận bã và hội chúng tinh hoa.

- Hội chúng cận bã là hội chúng sống trong phiền não.

- Hội chúng tinh hoa là hội chúng sống trong chánh pháp, đi ngược lại phiền não.

Cận bã là cái thứ vứt đi, thứ không xài được, thứ ai cũng gớm, ai cũng chán, ai cũng thấy là không cần thiết.

Tinh hoa là cái giá trị, cái cần thiết, cái quý giá, cái mà ai cũng thương thích.

Trong kinh có từ *sattasāra*: tinh hoa trong chúng sinh, là chư Phật.

Tinh hoa có hai nghĩa, có hai từ. Hành tinh có một vị Phật ra đời gọi là *sāra*kappa; có hai vị Phật ra đời gọi là *maṇḍa*kappa; có ba vị Phật thì gọi là *sāra**maṇḍa*kappa; bốn vị Phật ra đời gọi là *vara*kappa; còn hành tinh có năm Phật ra đời gọi là *bha*ddakappa. Hành tinh không có Phật nào ra đời gọi là *suṇṇa*kappa: hành tinh vắng hoe, hành tinh rỗng không, hành tinh hiu quạnh.

Chữ *sāra* thường có nghĩa là cốt lõi của cái gì cứng cáp; *maṇḍa* là tinh hoa của cái gì dịch chất, liquid. Trong tiếng Hán thì cây lớn nhất trong một nơi chốn gọi là sở, vua loài hoa gọi là anh, vua loài thú là hùng. Từ chữ tinh hoa, tôi cho quý vị hai chữ. Ví dụ mình vắt sữa bò ra, mình làm bơ, phô-mai, yogurt, thì cái tinh chất mà chiết ra, xuất ra gọi là *maṇḍa*. Chúng sanh nào còn sống trong phiền não thì gọi là chúng sanh cận bã: bã mía, bã rượu, bã đậu.

Trong A-tỳ-đàm mới giải thích: kẻ phàm phu sống chìm sâu trong tục đế chế định, tức vỏ ngoài của vạn hữu, nên chỉ có thể tham thích, ghét sợ sáu trần. Bạc thánh nhận

thức được khía cạnh chân đế, tức bề trong, tinh hoa của vạn hữu, nên tự tại trước sáu trần.

Bậc thánh nhìn cái lá vàng không giống với cái lá xanh, thế thôi. Còn ta thì nhìn cái lá vàng, lá xanh, lập tức nhớ đến nguyên xa, sai là sai ở chỗ đó. “Áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc, áo nàng xanh anh mến lá sân trường”, nhìn cái này nhớ cái kia, đó là cái nhìn của phàm phu. Cái ông được sĩ nhìn cái lá, cái bông, cái đầu nó khác với ông nhà thơ, họa sĩ hoặc họa sĩ, nhạc sĩ. Nhìn cái lá họ nghĩ khác, mà cái ông được sĩ nhìn cái lá lại nghĩ khác, mấy nhà sinh vật học họ nhìn cái lá họ nghĩ khác.

Tôi kể bà con nghe câu chuyện này rồi: một ông sơn thần, buổi trưa vắng, ông nhìn thấy một cô sơn nữ đi tắm dưới suối. Ông nhìn, ông suy nghĩ: “Cái con nhỏ này trong xóm nhiều thằng nó dê, nó theo đuổi lắm, mà sao mình nhìn hoài mà mình không thấy thích. Ờ, chắc có lẽ mình nhìn xa.” Nghĩ xong ông rùng mình biến thành con chuột, ông bò lại gần nhìn cho kỹ. Khi mà thành con chuột rồi thì ông không nhìn cô nữa, mà ông xoay qua ông bắt mấy con côn trùng ông ăn. Ông chợt nhận ra là mình đang bắt con trùng mình ăn theo kiểu của mấy con chuột. Ông rùng mình thành con chim, làm bướm. Nhưng mà khi làm chim, làm bướm thì cái mà ông chú ý là hoa, là lá, là trái, chứ không phải là cô gái này nữa. Cuối cùng ông mới nghĩ: trên đời này hạng nào mà mê gái nhất ta? Thì chỉ có đám đàn ông thanh niên. Tới lúc đó ông mới thường thức trọn vẹn vẻ đẹp của người sơn nữ đó.

Đây không phải là câu chuyện của tôi, nhưng mà câu chuyện này đối với tôi nó sâu là vì sao? Vì tâm khảm của mình nó khởi đi từ nền tảng nhận thức, nền tảng giáo dục, từ nền tảng tâm lý nào đó; và nền tảng ấy lại được thiết lập trên nền tảng khác là tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, môi trường sống, là môi trường sinh trưởng và môi trường giáo dục, môi trường cộng sinh... Tất cả những nền tảng này nó chồng lên nhau và nó hình thành lên tâm khảm của mình, để mà mình lấy đó làm hành trang nhận thức, đánh giá, nhận xét đời sống. Khi mình là chuột thì mình nhìn thế giới này chỉ là đồ ăn, côn trùng thôi. Khi mình là ong bướm thì thế giới này chỉ là hoa thôi.

ĐOẠN 6

Có hai hội chúng là

- Hội chúng được huấn luyện trong khoa trường, không được huấn luyện trong chất vấn; và
- Hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trường.

Tức là Ngài nói có những hội chúng không đam mê, không thiết tha trong chánh pháp giải thoát, lý tưởng giải thoát sanh tử, mà chỉ thích nghe sáo ngữ rỗng tuếch. Họ chỉ nghe cái gì họ thích, không quan tâm thứ mình cần. Kavi: thi sĩ.

Thí dụ như không ai thích vô nước biển hết. Chuyện ăn rau trái, tập thể dục, ngồi thiền, tĩnh tâm, giữ lòng thanh thản thì hiếm lắm; toàn thích ăn cái gì mình muốn thôi, ăn đồ xào, đồ nướng, đồ chiên ... ba đồ độc hại không. Hiếm người thấy sự an lạc trong đời sống một mình.

Hôm qua tôi đọc bài tôi rất thích, là “Tại sao người thông minh thường cô đơn”. Là bởi vì họ khó mà tìm thấy sự đồng cảm từ người xung quanh, và họ luôn hướng tới cái mới, còn thiên hạ thì thường quần quanh trong cái cũ, trong lối mòn. Cho nên thứ nhất là không tìm ra người chia sẻ; thứ hai là không tìm ra cái mới ở đám người chung quanh. Thế là cái người có chiều sâu, có nội hàm thường quay về nội hướng. Đó là lý do như vậy.

Ở đây Đức Phật nói có hai hội chúng:

- Hội chúng chạy theo cái mình thích, ngay cả khi đã tìm đến với chánh pháp thì họ vẫn thích chạy theo cái thứ giáo lý nửa vời, thứ giáo lý làm vừa lòng mình, “ru những lời ru nước mắt cho tuổi trẻ sa mạc”.
- Hội chúng thứ hai, họ đến với đạo, họ chú ý đến cái gì thật sự là tinh hoa, thật sự là hướng thượng, thật sự là có nội dung, giải quyết được vấn nạn từ sinh trong cõi trường mộng.

Không thấy rằng mình đang sống trong cảnh khổ, không thấy rằng sự có mặt của mình là khổ, thì đừng có hòng mà đạt được thành tựu gì trong giáo pháp này, từ pháp học cho đến pháp hành, từ lý thuyết cho đến thực hành. Bởi vì chỉ có nhận thức rằng

tâm thân này là gánh nặng, sự có mặt của mình ở đời này là gánh nặng, thì mình mới thấy sự hành trì, sự nhận thức giáo pháp nó là cần thiết. Khi mà mình thấy nó là quan trọng thì mình mới tìm hiểu, học hỏi, tham khảo, tra cứu là quan trọng. Khi mà mình không thấy mình là người bệnh thì mình chẳng thiết tha gì đến y dược, y lý. Khi mà mình thấy mình bệnh, thì có bệnh thì vái tứ phương. Phải như vậy mới được.

Tây nói: “Vấn đề lớn nhất của mỗi người là không biết cái vấn đề của mình nó nằm ở đâu.” Là do vô minh trong bốn đế nên phàm phu trốn khổ tìm vui bằng các nghiệp thiện ác, cứ vậy mà trầm luân trong ba cõi.